

## Chương II: HỆ SINH THÁI

### Bài 47 : QUẦN THỂ SINH VẬT

#### **I.Quần thể sinh vật:**

Quần thể sinh vật là tập hợp các cá thể cùng loài , cùng sống trong một khu vực nhất định , ở một thời điểm nhất định và có khả năng sinh sản tạo thành những cá thể mới

#### **II.Những đặc trưng cơ bản của quần thể :**

##### **1/Tỉ lệ giới tính :**

- \_ Là tỉ lệ giữa số lượng cá thể đực / cá thể cái
- \_ Tỉ lệ giới tính phụ thuộc vào lứa tuổi , sự tử vong không đồng đều giữa cá thể đực và cá thể cái
- \_ Ý nghĩa : cho thấy tiềm năng sinh sản của quần thể

##### **2/Thành phần nhóm tuổi :**

(Bảng 47.2 và hình 47 )

- \_ Gồm 3 nhóm tuổi :
  - + Nhóm tuổi trước sinh sản
  - + Nhóm tuổi sinh sản
  - + Nhóm tuổi sau sinh sản
- Thành phần nhóm tuổi phản ánh trạng thái phát triển , ổn định hay giảm sút số lượng cá thể của quần thể
- Người ta dùng biểu đồ dạng tháp để phản ánh thành phần nhóm tuổi của quần thể

##### **3/Mật độ quần thể :**

- Là số lượng hay khối lượng sinh vật có trong một đơn vị diện tích hay thể tích
- Số lượng cá thể trong quần thể biến động theo mùa , theo năm , phụ thuộc vào nguồn thức ăn , nơi ở và các điều kiện sống của môi trường

#### **III/ Ảnh hưởng của môi trường tới quần thể sinh vật :**

Số lượng cá thể trong quần thể tăng cao khi môi trường sống thuận lợi . Nhưng khi mật độ cá thể tăng quá cao → Thiếu thức ăn , nơi ở , phát sinh nhiều bệnh tật → nhiều cá thể bị chết . Khi đó mật độ quần thể được điều chỉnh trở về mức cân bằng

---

#### ***Dặn dò :***

- *Học bài*
- *Xem trước bài quần thể người ( Làm bảng so sánh giữa quần thể người và quần thể sinh vật khác )*